

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

(Đính kèm E-HSMT gói thầu: Cung cấp bộ trao đổi nhiệt phục vụ công tác đại tu Tổ máy S1 - NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2026)

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán: Mua sắm vật tư phục vụ công tác đại tu tổ máy S1 - NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2026.

- Tên gói thầu: Cung cấp bộ trao đổi nhiệt phục vụ công tác đại tu Tổ máy S1 - NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2026.

- Chủ đầu tư: Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân – Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 3 – Công ty cổ phần.

- Nguồn vốn: Vốn sửa chữa lớn.

- Phạm vi công việc: Cung cấp bộ trao đổi nhiệt phục vụ công tác đại tu Tổ máy S1 - NMNĐ Vĩnh Tân 2 năm 2026.

- Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó, thời gian giao hàng trong vòng 150 ngày (thi công lắp đặt trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng).

- Địa điểm giao hàng (đã bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển): Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Bảng thông số kỹ thuật của hàng hóa:

Yêu cầu về chủng loại: Theo bảng đặc tính, thông số kỹ thuật tại bảng bên dưới. Loại hàng hóa nêu dưới đây là loại hàng hóa tham khảo phù hợp với tính năng sử dụng mà Chủ đầu tư cần mong muốn mua sắm đảm bảo nhu cầu sử dụng. Mã và tên nhà sản xuất nêu tại phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện có tính chất tham khảo. Nhà thầu có thể chào đúng mã và nhà sản xuất tham khảo hoặc chào mặt hàng có quy cách kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ các tài liệu kỹ thuật, các bản vẽ và chứng chỉ cần thiết để chứng minh hàng hóa chào thầu đáp ứng yêu cầu E-HSMT (*tài liệu kỹ thuật, Catalogue, các bản vẽ và chứng chỉ liên quan đính kèm E-HSMT phải bằng tiếng Tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Trường hợp bằng ngôn ngữ khác thì nhà thầu phải đính kèm bản dịch ra tiếng Việt*).

Trường hợp Nhà thầu chào hàng hóa tương đương thì phải có trách nhiệm cung cấp thêm bảng phân tích đặc tính kỹ thuật tương đương giữa mặt hàng yêu

cầu và mặt hàng được chọn thay thế để chứng minh được hàng hóa do nhà thầu chào thay thế là có quy cách kỹ thuật và chất lượng tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa yêu cầu và phù hợp với điều kiện sử dụng của Chủ đầu tư.

Nhà thầu phải cung cấp cam kết của hãng sản xuất về việc thiết bị hàng hóa cung cấp khi thay thế phải phù hợp đáp ứng với thiết bị hiện hữu của nhà máy của Chủ đầu tư.

Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, cùng quy cách, cùng thành phần tương đương và có tính năng sử dụng tương đương với loại hàng hóa đã nêu.

Hàng hóa trong E-HSDT phải đảm bảo tính đồng bộ và tương thích về công nghệ và kích thước lắp đặt với các thiết bị đang được sử dụng hiện hữu của NMNĐ Vĩnh Tân 2. Trong trường hợp không đồng bộ, tương thích với thiết bị của nhà máy, Chủ đầu tư được quyền xem xét đánh giá theo quy định.

Trong quá trình đánh giá HSMT, để đảm bảo tính chính xác của hàng hóa nhà thầu chào, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa (kể cả những hàng hóa nhà thầu chào đúng loại tham khảo nêu trong E-HSMT).

Hàng hóa Nhà thầu chào phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây để chứng minh hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật:

PHẠM VI CUNG CẤP:

Stt	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
	Bộ trao đổi nhiệt dạng tấm làm mát bằng nước biển, mã hiệu: UX-1085-KNHP-419 - Số lượng tấm: 419 tấm - Nhiệt độ thiết kế: 70 °C - Áp suất thiết kế: 1,0 MPa - Áp suất test: 1,3 MPa - Lưu lượng nước hở (nước biển): 3.874,39 (m3/h) - Lưu lượng nước kín (nước sạch): 2.995,4(m3/h) - Diện tích trao đổi nhiệt: 1.113,39 m2 - Công suất trao đổi nhiệt: 24.124 kW - Mất áp bên nước làm mát kín: ≤0,05MPa - Mất áp bên nước biển: ≤0,08MPa - Vật liệu tấm trao đổi nhiệt: Titanium TP-270 dày 0,5 mm - Chiều sâu rãnh tấm x bước rãnh: 4,3 x 13,4mm - Kích thước tấm (dài x rộng): 2.967 x 1.293mm - Vật liệu gioăng: G-NBR - Khung: vật liệu thép cacbon S275JR, dày 60mm	Bộ	01

<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu Bu lông siết: thép cacbon A193-B7/A194-2H - Vật liệu ống kết nối (bên nước kín): SUS316 - Vật liệu ống kết nối (bên nước biển): Titanium TP-340, Kết nối ống: DN500 PN16 - Khối lượng chưa nạp nước: 11.660 Kg - Kích thước khung (dài x rộng x cao): 4.132 x 1.590 x 3.630 mm - Chiều dài bộ khi siết chặt (không bao gồm 2 tấm ép): 1.969÷2.053 mm. - Bu lông móng M30x350L. - Lưới lọc SUS 316 tại ngõ vào nước biển E4 (trên khung ép cuối), bao gồm mặt bích, cổ nối ống để lắp hệ thống súc rửa lọc). - Bao gồm: Chi phí chuyên gia nhà sản xuất và nhân sự thực hiện tháo dỡ bộ trao đổi nhiệt cũ, lắp ráp bộ trao đổi nhiệt mới tại hiện trường và thực hiện kiểm tra áp, chạy thử nghiệm. <p>Nhà sản xuất (tham khảo): Hisaka Hoặc tương đương với hàng hóa nêu trên.</p>		
---	--	--

Ghi chú: Tổ chức khảo sát hệ thống: Nhà thầu có nhu cầu khảo sát hệ thống, thiết bị của Bên mời thầu, đề nghị Quý nhà thầu gửi văn bản đăng ký tham gia khảo sát trước ít nhất 02 ngày làm việc, nhà thầu đến khảo sát tập trung tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, thời gian khảo sát vào lúc **09 giờ 00 phút đến hết 16 giờ 00 phút ngày 15/01/2026**. Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân sẽ cử cán bộ hướng dẫn các nhà thầu đi khảo sát. Ngoài thời gian trên, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân không xem xét giải quyết.

Nhà thầu cần lưu ý:

+ *Nhà thầu phải chào giá bao gồm Chi phí cung cấp thiết bị và Chi phí chuyên gia chính hãng và nhân sự thực hiện tháo và lắp ráp bộ trao đổi nhiệt tại hiện trường, kiểm tra áp và chạy thử.*

+ *Chủ đầu tư mặc định hàng hóa trong gói thầu này có thuế suất GTGT tạm tính là 10% để có cơ sở so sánh giá chào thầu và hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp nhà thầu chào thuế khác 10% thì Chủ đầu tư sẽ quy về cùng mặt bằng thuế tạm tính 10% để có cơ sở so sánh giá chào thầu. Thuế GTGT sẽ được điều chỉnh theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn, thanh toán.*

Nhà thầu phải soạn một bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu theo mẫu cung cấp bên dưới. Trong bản tuyên bố đáp ứng phải nêu rõ mức độ đáp ứng các yêu cầu

của E-HSMT (bao gồm từng khoản mục, đặc tính kỹ thuật chi tiết quy định tại bảng trên). Nhà thầu chỉ được phép sử dụng các từ ngữ sau: “Đáp ứng”/”Không đáp ứng” để trả lời về tính đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMT. Tất cả các đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đều phải được giải thích cụ thể (tham chiếu rõ ràng đến từng dòng/từng trang trong tài liệu kỹ thuật).

Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật

Hạng mục số	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật của hàng hóa trong E-HSMT	Tên hàng hóa, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào trong E-HSDT	Hồ sơ tham chiếu	Tính đáp ứng của hàng hóa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Ghi chú:

- Nội dung ở các cột (1), (2) phải được lập tương ứng với nội dung tên hàng hóa, thông số kỹ thuật của hàng hóa trong E-HSMT.

- Nội dung ở cột (3) trình bày nội dung của Bảng thông số kỹ thuật của hàng hóa chào trong E-HSDT.

- Cách thức trình bày nội dung ở cột (4) như sau: “Tên tài liệu” – “Phần, chương, mục, bảng (nếu có)” – “trang” – “dòng”

- Nội dung ở cột (5) chỉ được ghi “Đáp ứng” hoặc “Không đáp ứng”

- Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất theo quy định tại mục 15.8 Chương I và hướng dẫn tại mẫu 10B Chương IV.

b) Tài liệu chứng minh mã, thông số kỹ thuật hàng hóa: E-HSDT được đánh giá là đạt về tài liệu chứng minh mã, thông số kỹ thuật hàng hóa chào thầu khi đáp ứng các yêu cầu sau:

b.1 Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa

+ Đối với hàng hóa Nhà thầu chào có Nhà sản xuất giống với Nhà sản xuất đã mô tả tại mục 1.2a nêu trên và mã hiệu khác với mã hiệu đã mô tả tại mục 1.2a nêu trên: Nhà thầu phải cung cấp tài liệu công bố của Nhà sản xuất cho hàng hóa chào thầu về những thay đổi đó và bảo đảm sự tương đương hoặc tốt hơn.

+ Tài liệu kỹ thuật hàng hóa có thể là tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác thì các tài liệu nêu trên phải được dịch ra tiếng Việt;

+ Cung cấp bản vẽ kỹ thuật/tài liệu kỹ thuật hàng hóa của Nhà sản xuất (được Nhà sản xuất xác nhận hoặc tài liệu kỹ thuật được Nhà sản xuất công bố hợp pháp theo quy định) phải thể hiện các thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT, bản chào và phải phù hợp với Nhà sản xuất hàng hóa chào thầu.

b.2 Đối với hàng hóa nhà thầu chào tương đương

Đối với hàng hóa nhà thầu chào của Nhà sản xuất khác với Nhà sản xuất được nêu tại “Bảng thông số kỹ thuật của hàng hóa” thuộc Mục 1.2a Chương V E-HSMT, Nhà thầu phải chứng minh sự tương đương hoặc tốt hơn giữa hàng hóa nhà thầu chào với hàng hóa thuộc phạm vi gói thầu, cụ thể:

- Lập bảng so sánh chi tiết tính tương đương hoặc tốt hơn với vật tư, thiết bị yêu cầu, bao gồm các điểm sau:

+ Chức năng của thiết bị, vật tư, phụ tùng;

+ Môi trường, điều kiện làm việc của thiết bị, vật tư, phụ tùng;

+ Thông số kỹ thuật đặc trưng, vật liệu, kích thước lắp đặt của hàng hóa, vật tư, phụ tùng;

+ Tiêu chuẩn chế tạo, quy trình sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu của Nhà sản xuất;

- Tính kiểm chứng: Những sản phẩm tương tự đã được sản xuất của Nhà sản xuất tương đương đã được cung cấp lắp đặt và đánh giá chất lượng, tuổi thọ hàng hóa tương đương; Hàng hóa tương đương đã được lắp đặt, vận hành trong nhà máy điện, nhà máy công nghiệp nặng tương tự; Cung cấp thư xác nhận của chủ đầu tư/đơn vị sử dụng về việc hàng hóa tương đương vận hành ổn định, không phát sinh sự cố nghiêm trọng trong thời gian tối thiểu 3 năm kể từ ngày đưa vào vận hành khai thác tính đến thời điểm đóng thầu.

- Hàng hoá tương đương lắp đặt thay thế trực tiếp cho thiết bị hiện hữu, việc lắp đặt phải phù hợp với không gian thiết bị hiện hữu xung quanh, không làm thay đổi hoặc yêu cầu phải cải tạo, chỉnh sửa kết cấu và thiết bị hiện hữu xung quanh, không phải hiệu chỉnh hệ thống điều khiển, thiết bị phụ trợ, không làm thay đổi chế độ vận hành, bảo trì hệ thống.

- Cung cấp tài liệu chứng minh hàng tương đương (gồm catalogue, datasheet, bản vẽ kỹ thuật, báo cáo thử nghiệm, chứng nhận chất lượng...) phải do Nhà sản xuất phát hành, có dấu xác nhận hợp pháp; Trường hợp sử dụng hàng hóa tương đương, nhà thầu chịu toàn bộ trách nhiệm nếu: Hàng hóa không đáp ứng yêu cầu vận hành; Phát sinh sự cố ảnh hưởng đến hệ thống hiện hữu; Phải thay thế bằng hàng hóa của Nhà sản xuất gốc. Mọi chi phí phát sinh do nhà thầu chịu.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Chất lượng và tính hợp lệ hàng hóa

Chất lượng và tiêu chuẩn hàng hóa: Hàng hóa phải mới 100% và tuân thủ theo các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Hàng hóa phải được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.

1.3.2. Yêu cầu về bảo hành và chuyên gia kỹ thuật

a) Yêu cầu về bảo hành

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu là 24 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Địa điểm bảo hành: Tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

- Phương thức bảo hành: Nhà thầu cam kết trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa nhà thầu cung cấp xảy ra bất thường, khi có yêu cầu của chủ đầu tư trong vòng 48 giờ nhà thầu phải cử nhân viên kỹ thuật trực tiếp đến hiện trường để kiểm tra và đề xuất hướng khắc phục. Nhà thầu phải có trách nhiệm bảo hành bằng cách thay thế hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.

b) Chuyên gia kỹ thuật

Nhà thầu cam kết cung cấp Chuyên gia của hãng sản xuất hàng hoá mà nhà thầu chào để thực hiện lắp ráp bộ trao đổi nhiệt tại hiện trường, kiểm tra áp và chạy thử. Cung cấp cam kết đính kèm trong E-HSDT (Nhà thầu tự chịu chi phí và tính toán thời gian chuyên gia có mặt đúng thời hạn Chủ đầu tư yêu cầu).

1.3.3. Yêu cầu về chứng từ kèm theo hàng hóa

Hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Vì vậy, nhà thầu phải nêu rõ hàng hóa được chào hàng do nhà sản xuất nào cung cấp, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và cam kết cung cấp các chứng từ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp chính thức, bao gồm:

a) Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (nếu có).

b) Chứng chỉ xuất xứ (CO) do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp hoặc xác nhận: Bản gốc hoặc bản điện tử (trong trường hợp nước sản xuất hoặc nước xuất khẩu cấp bản điện tử theo quy định của nước

hàng hóa có xuất xứ), hoặc bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Áp dụng đối với hàng nhập khẩu;

c) Chứng chỉ chất lượng (CQ) hoặc Chứng chỉ khác có giá trị tương đương do Nhà sản xuất/Công ty được nhà sản xuất ủy quyền cấp (*Bản gốc hoặc bản sao y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền*);

d) Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu phải có số tờ khai đầy đủ, có liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm không thể hiện giá trị của hàng hóa (bản copy có đóng dấu xác nhận của đơn vị nhập khẩu hoặc của nhà thầu), áp dụng đối với hàng nhập khẩu.

1.3.4. Tiến độ triển khai

Thời gian giao hàng hóa và lắp đặt: Trong vòng 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Trong đó, thời gian giao hàng trong vòng 150 ngày (thi công lắp đặt trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư bàn giao mặt bằng).

1.3.5. Địa điểm triển khai

Địa điểm giao hàng (đã bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển): Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hảo, tỉnh Lâm Đồng.

1.3.6. Yêu cầu về nghiệm thu hàng hóa, lắp đặt, thử nghiệm và bàn giao

Nhà thầu có cam kết đính kèm trong E-HSDT về việc cung cấp đầy đủ các tài liệu và thực hiện đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hoá, tiêu chuẩn lắp đặt, thử nghiệm để làm cơ sở nghiệm thu bàn giao hàng hóa, cụ thể:

- Nhà thầu cung cấp các chứng từ, bảng test kiểm tra, tiêu chuẩn, thành phần vật liệu, thành phần cơ tính, bảng test áp suất đảm bảo đúng thiết kế và không rò rỉ... của nhà sản xuất theo thông số kỹ thuật của hàng hóa trong E-HSDT;

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật liên quan, phương án lắp đặt, kiểm tra, thử nghiệm chi tiết để Chủ đầu tư xem xét đánh giá.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm tháo dỡ bộ trao đổi nhiệt hiện hữu (bộ cũ) và lắp đặt bộ trao đổi nhiệt mới vào vị trí dưới sự hướng dẫn của chuyên gia nhà sản xuất (chi phí do nhà thầu chi trả), cam kết lắp đặt thiết bị đúng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Việc lắp đặt phải phù hợp với không gian thiết bị hiện hữu xung quanh, không làm thay đổi hoặc yêu cầu phải cải tạo, chỉnh sửa kết cấu và thiết bị hiện hữu xung quanh, không phải hiệu chỉnh hệ thống điều khiển, thiết bị phụ trợ, không làm thay đổi chế độ vận hành, bảo trì hệ thống.

- Công tác thử nghiệm, nghiệm thu:

- + Thực hiện test áp lực: kiểm tra rò rỉ ở áp lực 1,3 MPa (Thiết bị thử áp do Nhà thầu trang bị).
- + Hệ thống phải được vệ sinh và flushing sạch sẽ trước khi vận hành thử nghiệm.
- + Chạy thử nghiệm đánh giá đáp ứng của thiết bị với hệ thống hiện hữu. (Thiết bị lắp đặt phải đáp ứng được các thông số kỹ thuật và an toàn khi hệ thống vận hành đồng thời song song 02 bơm nước làm mát kín và 01 bơm nước làm mát hở và ngược lại).
- + Chạy thử nghiệm thu đánh giá hiệu quả trao đổi nhiệt phải đáp ứng các thông số sau:
 - Chế độ vận hành: 01 bơm nước hở, 01 bơm nước kín, 01 bộ trao đổi nhiệt (mới).
 - Mất áp (sụt áp) bên nước làm mát kín: $\leq 0,05\text{MPa}$.
 - Mất áp (sụt áp) bên nước biển: $\leq 0,08\text{MPa}$.
 - Hiệu quả trao đổi nhiệt đạt:

Stt	Tiêu chí	°C	°C	°C
1	Nhiệt độ Nước biển vào (nước hở)	25	26	27
2	Chênh lệch nhiệt độ (nước vào – nước ra) của Nước làm mát kín	$\geq 6,5$	$\geq 5,9$	$\geq 5,3$

(Ghi chú: tùy điều kiện môi trường tại thời điểm thử nghiệm nhiệt độ nước biển vào có thể thay đổi, tương ứng nhiệt độ nước biển vào sẽ áp dụng yêu cầu chênh lệch nhiệt độ (nước vào – nước ra) của Nước sạch (nước kín) tương ứng).

1.3.7 Các yêu cầu khác đối với hàng hóa cung cấp

- Yêu cầu hàng hóa cung cấp phải đảm bảo tính đồng bộ, tương thích về công nghệ và kích thước lắp đặt với hệ thống thiết bị đã lắp đặt và đang vận hành tại Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân.
- Yêu cầu về đóng gói sản phẩm: Hàng hóa phải được đóng gói theo quy định của Nhà sản xuất. Hàng hóa phải được dán tem nhãn trên từng sản phẩm, ghi các thông tin cụ thể như: tên vật tư, ký/mã hiệu sản phẩm...

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Giao nhận, nghiệm thu hàng hóa: Khi giao nhận hàng hóa, Nhà thầu có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa đến địa điểm

giao hàng của Chủ đầu tư. Hai bên cùng kiểm tra về chứng từ, số lượng, chủng loại, xuất xứ, quy cách của hàng hóa; tài liệu kỹ thuật và chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ kèm theo; các kiểm tra và thử nghiệm như yêu cầu của hợp đồng. Nếu kết quả kiểm tra chứng tỏ hàng hóa phù hợp với văn bản của Hợp đồng, phụ lục của hợp đồng, hồ sơ dự thầu thì nhà thầu, đại diện có thẩm quyền của hai bên lập và ký Biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa. Nếu kết quả kiểm tra chứng tỏ hàng hóa không phù hợp với văn bản của Hợp đồng, phụ lục của hợp đồng, hồ sơ dự thầu thì nhà thầu:

+ Phải khắc phục toàn bộ những tồn tại của lô hàng đó trong thời gian nhanh nhất kể từ ngày hai bên lập biên bản hiện trường nhưng không được quá ngày hết hạn thực hiện hợp đồng.

+ Sau khi khắc phục toàn bộ những tồn tại của hàng hóa như mục nêu trên, mà lô hàng vẫn không đáp ứng quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận lô hàng đó và chấm dứt hợp đồng và chịu mọi chi phí phát sinh từ việc tiếp nhận hàng hóa hoặc chậm tiếp nhận gây ra và bị phạt theo quy định tại điều khoản phạt của hợp đồng.

